

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71 /2019/HSST**

Ngày: 02/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Trục: Giáo viên đã nghỉ hưu.

Bà Trần Bích Thủy: Cán bộ nghỉ hưu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quỳnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2019/HSST ngày 19 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HS ngày 17/4/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/01/2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số nhà 3/10 đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: Kiệt 49 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ đóng giày; trình độ văn hoá: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1980 và bà Mai Thị Phương T, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hoá đến lớp 8/12 thì nghỉ học ở nhà, không có nghề nghiệp ổn định.

Ngày 07/3/2019, có hành vi “ Mua bán trái phép chất ma túy”, bị bắt khẩn cấp, sau đó bị khởi tố chuyển tạm giam cho đến nay.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1980; Bà Mai Thị Phương T, sinh năm 1983; Cùng cư trú tại: Kiệt 49 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Nguyễn Thị S- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người làm chứng:

Chị Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Q; Tạm trú tại: 01 Nguyễn Khoa Vy, phường Vĩ Dạ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người chứng kiến:

Ông Phạm K, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số nhà 6/14 đường X, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Ông Bảo Đ, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Số nhà 01/5/23 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/11/2018, Nguyễn Văn M liên lạc qua điện thoại với một người đàn ông liên hệ mua ma túy để sử dụng. Người đàn ông đó đồng ý bán và hẹn giao nhận ma túy tại ngã tư đường Nguyễn B-Lê Thánh T. Tại đây, người bán giao cho M 02 gói ni lông, bên trong đều chứa ma túy tổng hợp (dạng khay và dạng kẹo), đồng thời M đưa cho người bán số tiền 2.300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, M cất giấu vào túi quần của mình, rồi chạy xe về đến đường Tống Duy T thì phát hiện thấy lực lượng Công an đang tuần tra, nên hoảng sợ, lấy số ma túy vừa mua vứt bên lề đường, rồi bỏ chạy. Một lúc sau, M quay lại tìm và lấy số ma túy mình vừa vứt để cất giấu thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Vật chứng thu giữ: Một gói ni lông, bên trong có 03 gói ni lông màu trắng, bên trong các gói ni lông đều chứa chất tinh thể rắn màu trắng dạng cục; Một gói ni lông bên trong chứa 09 viên nén hình trụ tròn màu xanh, một mặt có in chữ “ROLEX”. Tất cả được niêm phong theo quy định. Một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, model A1661 FCCID-E3087A-IC-579C-E3087A.

Tại bản kết luận giám định số 456/GĐ ngày 03/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng trong 03 gói ni lông nhỏ có viên màu xanh gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 1,2151g, là ma túy, loại Ketamine; 09 viên nén đều có dạng hình trụ tròn, một mặt có in chữ “ROLEX” (nêu tại mục 1.2, phần II) tổng khối lượng là 3,7965g, là ma túy, loại MDMA; Hoàn lại đối tượng giám định là 1,0151g mẫu tinh

thể rắn màu trắng; 3,3965 chất bột được nghiền từ 09 viên nén gửi giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone đã thu giữ là của chị Hồ Thị Mỹ D cho M mượn để sử dụng. Chị D không biết việc M đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên hệ mua ma túy. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại di động đã thu giữ cho chị D là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyễn Văn M có hành vi tàng trữ trái phép 02 chất ma túy được quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên việc xác định tình tiết định khung hình phạt được tính như sau:

Đối với 3,7965 gam ma túy loại MDMA, tỷ lệ phần trăm so với mức tối thiểu tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là: $(3,7965: 5) \times 100\% = 75,9\%$.

Đối với 1,2151 gam ma túy Ketamine, tỷ lệ phần trăm so với mức tối thiểu tương ứng quy định tại khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự là $(1,2151: 20) \times 100\% = 6,0\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của hai chất ma túy trên là: $75,9\% + 6,0\% = 81,9\%$.

Nguyễn Văn M tàng trữ trái phép hai chất ma túy với tổng tỷ lệ khối lượng các chất ma túy tàng trữ trái phép so với mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là 81,9% (dưới 100%) nên hành vi nêu trên của Nguyễn Văn M đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Minh, do không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 18/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói ma túy đã giám định cùng các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; 01 sim điện thoại.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 01 năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292,293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/11/2018, tại đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Văn M đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy gồm Ketamine và MDMA nhằm mục đích sử dụng thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế bắt quả tang .

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, trọng lượng ma túy do bị cáo tàng trữ là 1,2151 gam ma túy Ketamine và 3,7965 gam ma túy MDMA. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, làm gia tăng tệ nạn và các tội phạm về ma túy, gây ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con người, huỷ hoại sức khỏe, giảm khả năng lao động và là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Mặc dù khi phạm tội, bị cáo Nguyễn

Văn M chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 10 tháng 24 ngày) nên được hưởng chính sách về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, sau khi phạm tội, vào ngày 07/3/2019, bị cáo tiếp tục có hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị bắt khẩn cấp, sau đó bị khởi tố chuyển tạm giam cho đến nay, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy mà Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố H là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy; Đối với sim điện thoại di động là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại điện thoại cho chị D là đúng quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

-Áp dụng: Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố:

Tịch thu tiêu hủy: 01 gói ma túy đã giám định được niêm phong kín; 01 sim điện thoại.

(Các vật chứng trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/3/2019 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo;đại diện hợp pháp của bc;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế